ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025
CÁC CTĐT ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VÀ SAU ĐẠI HỌC

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
B	1	2	4	5	=1+2-3-4-5+6+7	6	7=5-6	G
	0	**0**			**0**		**0**	
	0	**0**			**0**		**0**	
24022011	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022012	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022013	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022014	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022016	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022017	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022018	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022019	-6.414.350	16.000.000	13.990.000	0	-4.404.350		-4.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022021	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022022	-7.820.000	16.000.000	15.000.000	0	-6.820.000		-6.820.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022023	-6.414.350	16.000.000	14.790.001	0	-5.204.351		-5.204.351	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022024	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24022025	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022026	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022028	-6.414.350	16.000.000	10.590.000	0	-1.004.350		-1.004.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022029	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022030	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022032	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022036	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022037	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022038	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	-10.828.700	5.414.350	5.414.350	0	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022039	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350	5.414.350	-10.828.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022040	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022041	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022043	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022044	-6.414.350	16.000.000	14.990.000	0	-5.404.350		-5.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022045	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022046	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022047	-6.714.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.714.350		-5.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24022049	-6.414.350	16.000.000	14.090.000	0	-4.504.350		-4.504.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022051	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022052	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022053	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022054	-6.414.350	16.000.000	14.769.999	0	-5.184.349		-5.184.349	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022055	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022056	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022058	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022059	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022060	-6.414.350	16.000.000	14.288.500	0	-4.702.850		-4.702.850	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022063	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022064	-6.414.350	16.000.000	14.815.500	0	-5.229.850	5.229.850	-10.459.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022066	-6.414.350	16.000.000	14.806.000	0	-5.220.350		-5.220.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022067	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022068	-6.414.350	16.000.000	14.490.000	0	-4.904.350		-4.904.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022069	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022070	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24022072	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022073	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022074	-6.414.350	16.000.000	15.000.000	0	-5.414.350		-5.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020908	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020909	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020910	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020911	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020913	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020914	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020915	-7.820.000	20.000.000	14.870.000	0	-2.690.000		-2.690.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020916	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020917	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020918	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020919	-6.414.350	20.000.000	14.500.000	0	-914.350		-914.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020920	-7.820.000	20.000.000	15.000.000	0	-2.820.000		-2.820.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020921	-6.594.350	11.800.000		0	5.205.650		5.205.650	Miễn HP (ĐMKTKT), Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
24020922	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020923	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020924	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020925	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020927	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020928	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020929	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020930	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020931	-6.414.350	20.000.000	14.350.000	0	-764.350		-764.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020933	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020934	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020935	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020936	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020937	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020938	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020939	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020940	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020942	-7.820.000	20.000.000	14.500.000	0	-2.320.000		-2.320.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020943	-14.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-9.414.350		-9.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020944	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020945	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020946	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020947	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020948	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020949	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020950	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020951	-6.414.350	20.000.000	13.990.000	0	-404.350		-404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020953	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020954	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020955	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020956	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020957	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020958	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020959	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020960	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020961	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020962	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020963	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020965	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020966	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020967	0	20.180.000	15.000.000	0	5.180.000		5.180.000	SV chưa đóng HP nhập học
24020968	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020969	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020970	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020972	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020973	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020974	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020975	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020976	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020977	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020978	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020979	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020980	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020982	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020983	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020984	-6.414.350	20.000.000	14.980.000	0	-1.394.350		-1.394.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020985	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020986	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020988	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020989	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020990	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020991	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020992	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020993	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020994	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020995	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020996	-6.414.350	20.000.000	14.590.000	0	-1.004.350		-1.004.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020998	-6.414.350	20.000.000		0	13.585.650		13.585.650	Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
24020999	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021000	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021002	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021003	-6.414.350	20.000.000	14.390.000	0	-804.350		-804.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021004	-6.414.350	20.000.000	12.400.000	0	1.185.650		1.185.650	
24021005	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021006	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021007	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021009	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021010	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021011	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021012	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021013	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021015	-6.414.350	20.000.000	14.300.000	0	-714.350		-714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021016	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021017	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021018	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021019	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021021	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021022	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021023	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021024	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021025	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021026	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021027	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021028	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021029	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021030	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021032	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021033	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021034	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021035	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021036	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021037	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021038	-6.414.350	20.000.000	14.800.000	0	-1.214.350		-1.214.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021039	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021041	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021042	-6.414.350	20.000.000	13.590.000	0	-4.350		-4.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021044	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021045	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021046	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021047	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021048	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021049	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021050	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021052	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021053	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021054	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021055	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021056	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021057	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020830	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020831	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020832	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020834	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020835	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020836	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020837	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020838	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020839	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020840	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020841	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020842	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020843	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020844	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020845	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020846	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020847	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020848	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020849	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020850	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020851	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020852	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020853	-6.414.350	20.000.000		0	13.585.650		13.585.650	Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
24020854	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020855	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020856	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020857	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020858	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020859	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020860	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020861	-6.414.350	20.000.000	14.990.000	0	-1.404.350		-1.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020862	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020863	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020864	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020865	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020866	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020867	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020868	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020869	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020870	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020871	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020872	-6.414.350	20.000.000	12.430.000	0	1.155.650		1.155.650	
24020873	-6.414.350	20.000.000	14.990.000	0	-1.404.350		-1.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020874	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020875	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020876	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020877	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020878	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020879	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020880	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020881	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020882	-6.414.350	20.000.000	4.590.000	0	8.995.650	8.995.650	0	
24020883	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020884	-6.414.350	20.000.000		0	13.585.650		13.585.650	Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
24020886	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020887	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020888	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020889	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020890	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020891	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020892	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020893	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020894	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020895	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020896	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020897	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020898	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020899	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020900	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020901	-7.520.000	20.000.000	15.000.000	0	-2.520.000		-2.520.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020902	-6.414.350	20.000.000		0	13.585.650		13.585.650	Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
24020903	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350	1.714.350	-3.428.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020904	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020905	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020906	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020907	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022495	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022496	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022497	-6.594.350	15.900.000		0	9.305.650		9.305.650	Giảm 50% HP (ĐMKTKT), Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
24022498	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022499	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022500	-6.414.350	20.000.000	14.880.000	0	-1.294.350		-1.294.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022503	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022504	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022505	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022506	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022507	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24022508	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022509	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022510	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022511	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350	1.414.350	-2.828.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022512	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022513	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022514	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022516	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022517	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022518	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022519	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022521	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022522	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022523	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022524	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022525	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022526	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24022527	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022528	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022529	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022530	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022531	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022532	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022533	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022534	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022535	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022536	-6.414.350	20.000.000	3.790.001	0	9.795.649		9.795.649	
24022537	-6.894.350	11.800.000	15.000.000	0	-10.094.350		-10.094.350	Miễn HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022538	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022539	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022540	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022541	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022543	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022544	-6.414.350	20.000.000	14.590.000	0	-1.004.350		-1.004.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24022545	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022546	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022547	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022548	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022549	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022550	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022551	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022552	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022553	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022555	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022556	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022557	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022558	-6.414.350	20.000.000	14.670.000	0	-1.084.350		-1.084.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022559	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022560	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022561	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022562	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24022563	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022564	-6.414.350	20.000.000	14.990.000	0	-1.404.350		-1.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022565	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022566	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022567	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022568	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022569	-7.520.000	20.000.000	14.490.000	0	-2.010.000		-2.010.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022570	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022571	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022574	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022575	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022576	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022577	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022578	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022579	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022580	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022581	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24022583	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022584	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022585	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022586	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022588	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022589	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022590	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022592	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022593	-6.414.350	20.000.000	14.990.000	0	-1.404.350		-1.404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022594	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022595	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24022597	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24023099	-6.414.350	20.000.000	13.590.000	0	-4.350		-4.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020699	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020700	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020701	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020702	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020703	-6.414.350	20.000.000	13.990.000	0	-404.350		-404.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020705	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020706	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020707	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020708	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020710	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020711	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020712	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020713	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020714	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020715	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020717	-6.414.350	20.000.000	12.950.000	0	635.650	635.650	0	
24020718	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020719	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020720	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020723	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020724	-6.414.350	20.000.000	13.499.000	0	86.650		86.650	
24020725	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020726	-6.414.350	20.000.000	11.790.000	0	1.795.650		1.795.650	
24020727	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020728	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020729	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020730	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020731	-6.594.350	14.260.000	15.000.000	0	-7.334.350		-7.334.350	Giảm 70% HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020732	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020733	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020734	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020735	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020736	-7.520.000	20.000.000	15.000.000	0	-2.520.000		-2.520.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020737	-6.414.350	20.000.000	14.660.000	0	-1.074.350		-1.074.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020739	-7.520.000	20.000.000	15.000.000	0	-2.520.000		-2.520.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020740	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020741	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020742	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020743	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020744	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020745	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020746	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020747	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020748	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020749	-6.414.350	20.000.000	14.549.000	0	-963.350		-963.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020750	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020751	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020752	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020753	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020754	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020755	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020756	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020757	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020758	-6.414.350	20.000.000	14.890.000	0	-1.304.350		-1.304.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020759	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020760	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020761	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020762	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020763	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020764	-6.894.350	11.800.000		0	4.905.650		4.905.650	Miễn HP (ĐMKTKT), Hỗ trợ máy tính nhà trường CK trực tiếp cho nhà cung cấp
24020765	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020766	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020768	-6.414.350	20.000.000	13.999.000	0	-413.350		-413.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020769	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020770	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020772	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020773	-14.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-9.414.350		-9.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020774	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020775	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020776	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020777	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020778	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020779	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020780	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020781	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020782	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020783	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020784	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020785	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020786	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020787	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020788	-6.414.350	20.000.000	13.190.000	0	395.650		395.650	
24020789	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020790	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020791	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020792	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020793	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020794	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020795	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020796	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020797	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020798	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020799	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020800	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020801	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020802	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020803	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020804	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020805	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020806	-6.414.350	20.000.000	13.680.000	0	-94.350		-94.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020807	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020808	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020809	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020810	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020811	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020812	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020813	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24020814	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020815	-6.414.350	20.000.000	14.290.000	0	-704.350		-704.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020816	-6.414.350	20.000.000	14.540.000	0	-954.350		-954.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020817	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020818	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020819	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020820	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020821	-7.520.000	20.000.000	15.000.000	0	-2.520.000		-2.520.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020822	-6.414.350	20.000.000	13.800.000	0	-214.350		-214.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020823	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020824	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020825	-6.594.350	14.260.000	15.000.000	0	-7.334.350		-7.334.350	Giảm 70% HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020826	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020827	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020828	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24020829	-6.414.350	20.000.000	14.664.500	0	-1.078.850		-1.078.850	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24023106	-7.820.000	20.000.000	15.000.000	0	-2.820.000		-2.820.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021228	-6.714.350	20.000.000	14.390.000	0	-1.104.350		-1.104.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021229	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021230	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021231	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021232	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021233	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021234	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021235	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021236	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021237	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021238	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021239	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021240	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021241	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021242	-6.714.350	20.000.000	14.890.000	0	-1.604.350		-1.604.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021243	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021244	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021245	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021246	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021247	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021248	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021249	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021250	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021251	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021252	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021253	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021254	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021255	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021256	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021257	-6.414.350	20.000.000	14.465.500	0	-879.850		-879.850	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021258	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021259	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021261	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021262	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021263	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021264	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021265	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021267	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021268	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021269	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021270	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021271	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021272	-6.594.350	15.900.000	15.000.000	0	-5.694.350		-5.694.350	Giảm 30% HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021273	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021275	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021276	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350	1.414.350	-2.828.700	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021277	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021278	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021279	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021280	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021281	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021282	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021284	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021285	-7.820.000	20.000.000	15.000.000	0	-2.820.000		-2.820.000	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021286	-6.414.350	20.000.000	14.764.500	0	-1.178.850		-1.178.850	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021287	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021288	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021290	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021291	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021292	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021293	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021294	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021296	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021297	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021298	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021299	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021300	-6.414.350	20.000.000	14.590.000	0	-1.004.350		-1.004.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021301	-6.414.350	20.000.000	14.960.000	0	-1.374.350		-1.374.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021302	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021303	-6.594.350	14.260.000	15.000.000	0	-7.334.350		-7.334.350	Giảm 70% HP (ĐMKTKT), SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021304	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021306	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021308	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021309	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021310	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021311	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021312	-6.714.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.714.350		-1.714.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021314	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021315	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021316	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021317	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021319	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021320	0	20.180.000	12.890.000	0	7.290.000		7.290.000	SV chưa đóng HP nhập học
24021321	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021322	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021323	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021324	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021325	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021326	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021327	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021328	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021329	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021330	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021331	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021332	-6.414.350	20.000.000	10.945.000	0	2.640.650	2.640.650	0	
24021333	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021335	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021336	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021338	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021339	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021340	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021341	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau

Mã sinh viên	Nợ/thừa HP các kỳ trước	Phải thu K1/2024-2025	Hỗ trợ máy tính SV K69 năm nhất Hòa Lạc	Đã nộp trước thu	Tổng phải nộp	Đã nộp	Chưa nộp	Ghi chú HP kỳ trước
24021342	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021343	-6.414.350	20.000.000	13.890.000	0	-304.350		-304.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021344	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021345	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021346	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021347	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24021348	-6.414.350	20.000.000	15.000.000	0	-1.414.350		-1.414.350	SV đã hoàn thành nộp HP HKI. Số tiền còn dư chuyển trừ học kỳ sau
24023103	0	20.180.000		0	20.180.000		20.180.000	SV HV KTQS. Chưa đóng HP nhập học
24023104	0	20.180.000		0	20.180.000		20.180.000	SV HV KTQS. Chưa đóng HP nhập học
24023105	0	20.180.000		0	20.180.000		20.180.000	SV HV KTQS. Chưa đóng HP nhập học